

Thanh Hóa, ngày 05 tháng 9 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Về giao nhiệm vụ Cố vấn học tập năm học 2019-2020

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường Đại học;

Căn cứ Quyết định số 709/QĐ-ĐHHD ngày 12/5/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Hồng Đức;

Căn cứ Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 234/QĐ-ĐHHD ngày 26/02/2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức về việc Quy định đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 1671/QĐ-ĐHHD ngày 28/9/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức về việc ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Cố vấn học tập tại Trường Đại học Hồng Đức;

Căn cứ Hướng dẫn số 181/HD-ĐHHD ngày 30/8/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức về việc hướng dẫn đề xuất chức danh Cố vấn học tập năm học 2019 – 2020;

Xét đề nghị của các ông Trưởng phòng Quản lý đào tạo, phòng Tổ chức-Cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao nhiệm vụ Cố vấn học tập các ngành đào tạo hệ chính quy năm học 2019-2020 cho 42 giảng viên và 06 lãnh đạo bộ môn (Có danh sách giảng viên, ngành/lớp kèm theo).

Điều 2. Các ông (bà) có tên ở Điều 1 có trách nhiệm thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định và được hưởng các chế độ theo quy định hiện hành.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Quản lý đào tạo, phòng Tổ chức-Cán bộ, phòng Kế hoạch-Tài chính, các đơn vị liên quan và các ông (bà) có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, QLĐT



DANH SÁCH

Cố vấn học tập năm học 2019-2020

(Kèm theo Quyết định số ~~141~~ /QĐ-ĐHHĐ, ngày 05/9/2019 của Hiệu trưởng Trường ĐHHĐ)

TT	Họ và tên	Đơn vị	Bậc/ngành (lớp, khóa)
I	Danh sách 42 giảng viên làm Cố vấn học tập		
1	ThS. Lê Quang Huy	Khoa KHTN	ĐHSP Toán học
2	TS. Nguyễn Thị Hạnh	Khoa KHXH	ĐHSP Ngữ văn
3	TS. Nguyễn Thị Thu Hà	Khoa KHXH	ĐHSP Lịch sử
4	ThS. Nguyễn Thị Ngọc	Khoa KHXH	ĐHSP Địa lý, QLTN Môi trường
5	TS. Nguyễn Thị Duyên	Khoa KHXH	ĐH Xã hội học
6	ThS. Nguyễn Việt Hoàng	Khoa KHXH	ĐH Việt Nam học, Du lịch
7	ThS. Dư Thị Mai	Khoa Ngoại ngữ	ĐHSP T.Anh (K21), ĐH Ngôn ngữ Anh (K21), CĐSP T.Anh (K40)
8	ThS. Nguyễn T. Thúy Ngân	Khoa Ngoại ngữ	ĐHSP T.Anh (K20), các lớp Liên thông, VB2 CQ (K21A, K21B, K21C1)
9	ThS. Đặng Thị Nguyệt	Khoa Ngoại ngữ	ĐHSP T.Anh (K19), CĐSP T.Anh (K39), các lớp Liên thông, VB2 CQ (K22, K21C2)
10	ThS. Trịnh Thị Cẩm Xuân	Khoa Ngoại ngữ	ĐHSP T.Anh (K22), ĐH Ngôn ngữ Anh (K22), CĐSP T.Anh (K41)
11	ThS. Hoàng Thị Thu An	Khoa GDTH	ĐH GD Tiểu học (K21,22)
12	ThS. Lê Phương Chi	Khoa GDTH	CĐGD Tiểu học (K39,40,41), ĐH GDTH (các lớp VB2)
13	ThS. Hoàng Bùi Sơn	Khoa GDTH	ĐH GD Tiểu học (K19,20)
14	ThS. Nguyễn Thị Quyên	Khoa GDTH	ĐH GDTH (các lớp LT CQ)
15	ThS. Trịnh Thị Quyên	Khoa GDMN	ĐH GDMN (K19A,B,C) ĐHGDMN LTCQ: K22B1 TC-ĐH
16	ThS. Hồ Sỹ Hùng	Khoa GDMN	ĐH GDMN (K20A,B,C)
17	ThS. Lê Thiệu Lâm	Khoa GDMN	ĐH GDMN (K21A,B,C) ĐHGDMN (K22A LT từ TC-ĐH)
18	ThS. Nguyễn T. Huyền Trang	Khoa GDMN	ĐH GDMN (K22), CĐ GDMN (K41) ĐHGDMN (K21B LT từ TC-ĐH, K20A LT từ CĐ-ĐH)
19	ThS. Lê Văn Tuyền	Khoa GDMN	ĐH GDMN K20D, CĐ GDMN (K39,K40) ĐHGDMN (K20B LT CĐ-ĐH)

TT	Họ và tên	Đơn vị	Bậc/ngành (lớp, khóa)
20	ThS. Nguyễn Thị Lan	Khoa GDMN	ĐH GDMN (K20A1 LT từ CĐ-ĐH, K20A1 LT từ TC-ĐH, K20A2 T từ CĐ-ĐH, K20A2 LT từ TC-ĐH, K19B LT từ TC-ĐH)
21	ThS. Trần Thị Thanh	Khoa GDMN	ĐH GDMN (K21A, A1,A2,A3 hệ VB2 CQ, K21A LT từ TC-ĐH); K21A1 LT từ TC-ĐH, K21A1 LT từ CĐ-ĐH; K21A2 LT từ TC-ĐH)
22	ThS. Nguyễn Thị Ngọc Châu	Khoa GDMN	ĐHGDMN K19D, ĐH GDMN (K21B1 LT từ CĐ-ĐH, K21B2 LT từ CĐ-ĐH, K21C LT từ TC-ĐH, K21C LT từ CĐ-ĐH)
23	ThS. Nguyễn Thị Hoàng Hương	Khoa GDMN	ĐH GDMN (K21A LT từ CĐ-ĐH, K20B1 LT từ TC-ĐH, K20B2 LT từ TC-ĐH)
24	ThS. Lê Thị Thanh Tâm	Khoa KTCN	ĐH Kỹ thuật xây dựng công trình
25	ThS. Nguyễn Thị Mùi	Khoa KTCN	ĐH Công nghệ kỹ thuật môi trường
26	ThS. Lê Phương Hào	Khoa KTCN	ĐH, CĐ Kỹ thuật điện, điện tử
27	ThS. Trịnh Thị Anh Loan	Khoa CNTT-TT	ĐH CNTT (K19,20 và CĐ Công nghệ TT)
28	ThS. Lê Thị Hồng	Khoa CNTT-TT	ĐH CNTT (K21, 22)
29	ThS. Nguyễn Thị Hải Hà	Khoa NLNN	ĐH Nông học
30	TS. Mai Danh Luân	Khoa NLNN	ĐH Chăn nuôi-TY
31	TS. Lê Thị Hồng	Khoa KT-QTKD	ĐH Kế toán (K19A,B; K22A,B LT từ CĐ; K22A,B VB2) và ĐH KT tuyển sinh tại Đắc Lắc (LT từ TC, CĐ: DKTS 2019)
32	ThS. Nguyễn Thị Nhung	Khoa KT-QTKD	ĐH Kế toán (K20A,B; K20BA,B LT từ TC-ĐH, K20B LT từ CĐ-ĐH; K20B VB2 CQ)
33	ThS. Nguyễn Thuý Linh	Khoa KT-QTKD	ĐH Kế toán (K21A,B,C)
34	TS. Đặng Lan Anh	Khoa KT-QTKD	ĐH Kế toán (K22A,B,C; K22C LT từ CĐ-ĐH, K22C LT từ TC-ĐH, K22C VB2 CQ)
35	ThS. Lê Thị Diệp	Khoa KT-QTKD	CĐ Kế toán (K39,40,41; ĐH KT (K21A,B,C LT từ CĐ-ĐH; K21A,B,C LT từ TC-ĐH; K21A,B,C VB2 CQ)
36	TS. Lê Thị Lan	Khoa KT-QTKD	ĐH QTKD (K19A,B; K22A,B; K20B LT từ CĐ-ĐH, K21A,B,C LT từ CĐ-ĐH; K21B LT từ TC-ĐH; K22A,B LT từ CĐ-ĐH; K22B LT từ TC-ĐH; K20B VB2; K21A,B,C VB2; K22A,B VB2 CQ)
37	ThS. Lê Thị Nương	Khoa KT-QTKD	ĐH QTKD (K20A,B, K21A,B; K22C LT từ CĐ-ĐH, K22C LT từ TC-ĐH, K22C VB2 CQ)
38	TS. Phạm Thị Ngọc	Khoa KT-QTKD	ĐH Kinh tế (K20, K21, K22)
39	TS. Trịnh Thị Thu Huyền	Khoa KT-QTKD	ĐH TCNH (K19, 20,21,22; K20B VB2; K21A,B VB2; K22B VB2 CQ)
40	TS. Lê Trọng Đồng	Khoa GDTC	ĐH Giáo dục thể chất
41	ThS. Trần Minh Trang	Khoa LLCT-Luật	ĐH Luật (K19,20,21,22)

TT	Họ và tên	Đơn vị	Bậc/ngành (lớp, khóa)
42	ThS. Phan Thị Thanh Huyền	Khoa LLCT-Luật	ĐH Luật (K20A,B LT CQ; K21A,B LT CQ; K22A,B LT CQ;)
II Danh sách 06 lãnh đạo Bộ môn kiêm nhiệm CVHT			
1	TS. Hoàng Văn Chính	P. BM Sinh học, Khoa KHTN	ĐHSP Sinh học
2	ThS. Nguyễn Thị Ngọc Vinh	P. BM Hóa học, Khoa KHTN	ĐHSP Hóa học
3	ThS. Lê Thị Dung	P. BM Vật lý, Khoa KHTN	ĐHSP Vật lý
4	TS. Lê Tuyết Mai	Trưởng BM Tâm lý học, Khoa TL-GD	ĐH Tâm lý học
5	ThS. Phạm Hữu Hùng	P.BM LN, Khoa NLNN	ĐH Lâm nghiệp
6	ThS. Nguyễn Thị Loan	P.BM KHĐ, Khoa NLNN	ĐH Quản lý đất đai

(Ấn định danh sách có 48 giảng viên)./.

